

## Diễn biến giá dầu thế giới năm 2018, dãi báo 2019:

### Tác động sự biến động giá dầu tới nền kinh tế Việt Nam

Ths. Ngô Trí Trung\*

**D**ầu là một tài sản chiến lược và trong một số trường hợp còn là một vũ khí chiến tranh kinh tế, chính trị. Giá dầu luôn là ẩn số, thăng trầm bởi nhiều nhân tố. Thị trường dầu mỏ không giống bất cứ thị trường hàng hóa nào khác, nó có những đặc điểm chung, song cũng có những điểm hết sức khác biệt so với các thị trường khác, hết sức nhạy cảm với những biến động về kinh tế, chính trị trên toàn cầu từ đó dẫn đến những biến động về giá trên thị trường dầu mỏ.

**Từ khóa:** Giá dầu, tác động, dự báo.

**World oil price movement 2018 and forecast 2019: Impact of oil price fluctuation on Vietnam's economy**

Oil is a strategic asset and in some cases is also a political, economic war weapon. Oil prices are always unknown, ups and downs by many factors. The oil market is unlike any other commodity market, it has common characteristics, but there are also very different points from other markets, very sensitive to economic, political fluctuations which have since led to price fluctuations in the oil market.

**Key words:** Oil price, impact, forecast.

#### **Nhìn lại diễn biến giá dầu năm 2018**

Diễn biến của giá dầu năm 2018 và trong thời gian tới vẫn đang là ẩn số, khó lường và rất khó dự báo. Các vấn đề địa chính trị là nhân tố khó lường dự báo về sự biến động giá trên thị trường dầu thế giới. Trước đó, phần lớn các chuyên gia đều cho rằng giá dầu trong năm 2018 sẽ ngang bằng với mức của năm 2017, trung bình khoảng 55 đô la Mỹ/thùng. Nguyên nhân là do triển vọng kinh tế toàn cầu không có nhiều khả quan sau khi đã đạt mức tăng trưởng cao trong năm 2017. Nhưng sau khi có lệnh trừng phạt của Mỹ nhằm vào Iran, nhiều chuyên gia nhận định có thể đẩy giá dầu đạt mức

90 USD/thùng vào cuối năm nay 2018, hoặc muộn nhất là đầu năm sau. Có ý kiến còn cho rằng giá dầu thậm chí sẽ còn lên tới 100 USD/thùng, đồng thời cảnh báo không nên đặt nhiều kỳ vọng vào Saudi Arabia, nước được cho là sẽ giúp bình ổn giá dầu thế giới. Đầu tháng 10, nỗi lo thiếu hụt nguồn cung dầu đã đẩy giá dầu Brent lên mức 86,74 USD/ thùng, cao nhất kể từ năm 2014. Đây là mức tăng vượt qua nhiều dự báo của các chuyên gia đến từ Bloomberg hay Reuters khi dự báo từ đầu năm.

Nhìn lại, diễn biến giá dầu của năm 2018 có 6 nguyên nhân chính tác động lên sự tăng, giảm giá dầu thô.

\* Khoa Quốc tế - ĐHQG Hà Nội



*Thứ nhất*, là sự mất cân đối giữa cung - cầu dầu, nguồn cung của thị trường đã bị thắt chặt trong 18 tháng trở lại đây. Lượng dầu lưu kho trong suốt giai đoạn dư thừa dầu mỏ từ năm 2014 - 2016 đã được đem ra sử dụng phần lớn, do nhu cầu dầu tăng mạnh trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tăng trưởng mạnh mẽ.

*Thứ hai*, tác động đến giá dầu thô chính là kế hoạch cắt giảm nguồn cung dầu của Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) và Nga. Nỗ lực chung tay hạn chế sản lượng của OPEC và Nga nhằm giải quyết tình trạng dư thừa dầu mỏ trên thế giới kéo dài 4 năm qua đã làm mất đi yếu tố giảm nguồn cung an toàn để đối phó với những cú sốc về nguồn cung ứng.

*Thứ ba*, có thời gian trong năm 2018 giá dầu tăng mạnh một phần do quyết định của Tổng thống Mỹ Donald Trump về việc rút khỏi thỏa thuận hạt nhân năm 2015 của Iran và áp đặt gia hạn các biện pháp trừng phạt nhằm mục đích cắt giảm mạnh xuất khẩu dầu thô của Iran. Trong đó, Iran xuất khẩu khoảng 2,5 triệu thùng dầu/ngày. Xuất khẩu dầu của Iran đã giảm khoảng 500.000 thùng/ngày trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 10/2018, theo dữ liệu từ Cơ quan Năng lượng quốc tế. Các tàu

chờ dầu của Iran đang bắt đầu biến mất khỏi các hệ thống theo dõi vệ tinh toàn cầu cho thấy các ảnh hưởng từ các lệnh trừng phạt của Mỹ.

*Thứ tư*, là nguy cơ từ cuộc khủng hoảng chính trị và kinh tế của Venezuela khiến sản lượng dầu của nước này giảm ít nhất 500.000 thùng/ngày. Tổng thống Mỹ Donald Trump đã ký một sắc lệnh áp đặt các biện pháp trừng phạt mới với Venezuela nhằm ngăn chặn nguồn tài chính của Chính phủ nước này. Việc Mỹ áp đặt các biện pháp trừng phạt mới với Venezuela được xem là một trong những nguyên nhân khiến giá dầu Brent đã vượt ngưỡng 80 USD/thùng lần đầu tiên kể từ năm 2014, nếu nguồn cung không đáp ứng có khả năng thị trường sẽ tiếp tục phá vỡ mốc này trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, vẫn đang tiếp diễn sự căng thẳng trong khu vực giữa Saudi Arabia với hai nước thành viên khác của OPEC là Qatar và Iran.

*Thứ năm*, tác động của việc đầu cơ, điều này góp phần đẩy giá dầu có thời điểm lên mức cao kỷ lục từ đầu năm nay.

*Cuối cùng*, nguồn cung dầu đá phiến Mỹ là nguyên nhân ảnh hưởng đến biến động của giá dầu... Mặc dù, mức tăng sản lượng dầu đá phiến



của Mỹ đang tăng mạnh hơn dự đoán, với mức tăng ước gần 10% (1,4 triệu thùng/ngày) trong năm 2018, vẫn chưa bù đắp nguồn cung thiếu hụt so với đà tăng của nhu cầu dầu, điều đó làm cho giá dầu tăng mạnh. Cùng với đó, những hạn chế về hạ tầng cung ứng dầu mỏ như việc thiếu hệ thống ống dẫn dầu cũng đã gây cản trở cho việc dẫn dầu từ các nơi khai thác dầu đá phiến ở khu vực Bắc Mỹ khiến sản lượng dầu đá phiến không kịp tăng để bù đắp.

Tất cả những nguyên nhân trên là những tác nhân dẫn tới sự tăng giá dầu mỏ trong những tháng vừa qua của năm 2018. Điểm mới nổi bật của năm 2018 là giá xuất khẩu dầu mỏ có thời điểm tăng 46,2% so cùng kỳ năm ngoái và duy trì ở mức cao hơn 73 USD (đỉnh điểm có lúc hơn 86 USD/thùng) và ổn định nhất trong bốn năm qua, so với thời điểm thấp nhất có lúc dưới 30 USD và cao nhất có lúc lên mức 60 USD/ thùng năm 2016, mức cao nhất 110 USD/thùng của năm 2014 và mức 140 USD/thùng kỷ lục lịch sử của năm 2008.

Từ đầu tháng 11 cho tới nay, giá dầu các phiên liên tục giảm, giá dầu thô thay đổi và sụt giảm trầm trọng trong những phiên trong tháng 11, hiện tại giá dầu thô chỉ còn hơn 54 USD/thùng, mới không lâu trước đó là 82 USD. So với mức đỉnh 4 năm thiết lập vào tháng trước, giá dầu WTI hiện đã giảm 31%, còn giá dầu Brent đã mất 29%. Giá xăng dầu tháng 12 bước vào với rất nhiều khó khăn, thách thức và có thể sẽ còn sụt giảm trong những phiên tiếp theo. Việc Mỹ áp dụng biện pháp miễn trừ trong trừng phạt ngành dầu lửa Iran về nguồn cung dầu của OPEC, cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung đe dọa nhu cầu tiêu thụ dầu, và sản lượng dầu đá phiến Mỹ tăng bùng nổ đều là những nhân tố chủ chốt khiến giá dầu thế giới “rớt thảm” trong thời gian từ đầu tháng 10 đến nay.

### **Dự báo giá dầu 2019**

Ngày 14/11/2018, Cơ quan Năng lượng quốc tế (IEA) công bố báo cáo cho biết thị trường dầu mỏ thế giới trong năm 2019 sẽ chứng kiến tình trạng cung vượt cầu do sản lượng khai thác dầu không ngừng tăng, trong khi nhu cầu tiêu thụ lại có xu hướng giảm, liên quan trực tiếp tới tăng trưởng kinh tế tại một số nước giảm. IEA dự báo nhu cầu

dầu mỏ toàn cầu trong 2019 sẽ được duy trì ở mức 1,3 - 1,4 triệu thùng/ngày. Việc thị trường dầu mỏ toàn cầu đạt thặng dư khi sản lượng dầu mỏ toàn cầu trong quý I/2019 được dự báo đạt mức trung bình 2 triệu thùng/ngày. Nên tại thị trường giao dịch New York, giá dầu thô ngọt nhẹ Mỹ (WTI) giao trong tháng 1/2019 giảm 5,3%, còn 51,74 USD/thùng - mức thấp nhất trong một năm qua. Trong khi đó, giá dầu Brent Biển Bắc giảm 3,3%, còn 60,53 USD/thùng.

Hồi giữa tháng 10, nhiều chuyên gia kỳ vọng giá dầu thô có thể kết thúc năm ở ngưỡng 100 USD/ thùng. Tuy nhiên, trong thời gian tới giá dầu thô khó giữ vững đà tăng. Nguồn cung đang đi lên quá nhanh khiến giá dầu không còn được ổn định. Theo dữ liệu mới nhất, sản lượng dầu thô của Mỹ đã vượt lên ngưỡng kỉ lục gần 12 triệu thùng/ngày. Ngân hàng JP Morgan vừa đưa ra mức dự báo đối với giá dầu thô Brent trong năm 2019. Theo đó, mặt hàng này sẽ có giá khoảng trung bình ở mức 68USD/thùng và mức cao nhất có thể là 80 USD/ thùng. JP Morgan dự kiến giá dầu Brent thậm chí còn tụt giảm sâu hơn và chỉ còn 64 USD/thùng trong năm 2020.

### **Tác động của biến động giá dầu tới nền kinh tế nước ta**

Việt Nam là nước xuất khẩu dầu thô và doanh thu dầu thô hiện chiếm từ 7- 8% tổng thu ngân sách nhà nước, với việc giá dầu tăng sẽ làm tăng nguồn thu cho ngân sách. Vì vậy, dự báo về giá dầu là căn cứ để lập kế hoạch thu ngân sách 2019. Giá dầu năm 2019 được tính để lập kế hoạch thu ngân sách năm 2019 là 65 USD/thùng. Nhìn từ góc độ này, biến động của giá dầu sẽ tác động trực tiếp về quy mô và cơ cấu thu NSNN năm 2019. Nếu giá dầu thô giảm sâu hơn dự kiến sẽ gây hậu quả xấu trong bối cảnh các nhiệm vụ chi theo dự toán đều không thể trì hoãn đó là chưa kể nhu cầu chi vẫn tăng lên: cả chi đầu tư phát triển lẫn chi thường xuyên và chi trả nợ. Và khi đó muốn đảm bảo các nhiệm vụ chi NSNN theo dự toán năm 2019, đồng thời không làm tăng quy mô thâm hụt NSNN đã được Quốc hội phê duyệt thì gánh nặng khai thác nguồn thu khác đủ bù đắp khoản hụt thu do giảm giá dầu



được đặt lên vai Chính phủ và Bộ Tài chính, đó thực sự là một bài toán hết sức nặng nề về cơ cấu lại nguồn thu NSNN cũng như các giải pháp ứng phó.

Giá dầu tăng cao sẽ gây ảnh hưởng bất lợi đến thu nhập và chi tiêu của các hộ gia đình, nhưng mức độ ảnh hưởng ở từng quốc gia sẽ khác nhau. Đối với Việt Nam, trong điều kiện thu nhập bình quân đầu người/GDP còn thấp, sự tác động của giá dầu khi tăng cao sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống của người dân.

Giá năng lượng thường ảnh hưởng nhiều đến chỉ số giá tiêu dùng. Bởi vậy, khi giá dầu tăng, các ngân hàng trung ương sẽ phải tập trung nhiều hơn vào các chỉ số lạm phát lõi không bao gồm giá năng lượng vốn có mức độ biến động cao. Tuy nhiên, giá dầu tăng mạnh và duy trì có thể gây áp lực lạm phát lớn, bởi sự tăng giá này thấm thấu sang các lĩnh vực khác như giao thông và các dịch vụ tiện ích. Áp lực giá cả tăng cũng có thể đẩy nhanh việc thắt chặt chính sách tiền tệ ở những nền kinh tế như Việt Nam.

Giá dầu tăng sẽ ảnh hưởng đến điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Một là, giá dầu tăng đã đẩy chỉ số lạm phát (CPI) của Việt Nam tăng cao trong thời gian vừa qua. Xăng dầu đang là mặt hàng chiếm tỷ trọng gần 3% trong rổ hàng hóa tính CPI của Việt Nam. Ngoài ra, xăng dầu còn là nguyên liệu đầu vào trực tiếp hoặc gián tiếp để sản xuất ra nhiều loại hàng hóa khác nhau. Do đó, giá dầu tăng còn đẩy giá của nhiều mặt hàng khác cũng tăng lên. Như vậy, tổng mức ảnh hưởng của giá xăng dầu có thể lên tới con số 1%. Chỉ số CPI tăng khiến cho lãi suất thực dương của người gửi tiền giảm xuống. Đây là một trong nhiều nguyên nhân khiến cho một số ngân hàng đã phải tăng lãi suất huy động trong thời gian gần đây để tránh nguy cơ mất thị phần về huy động vốn. Lãi suất huy động tăng sẽ như một phản ứng dây chuyền, làm tăng lãi suất cho vay ra nền kinh tế, đồng thời đẩy lợi suất kỳ vọng của trái phiếu Chính phủ cũng tăng lên. Hệ quả là chi phí sử dụng vốn của toàn nền kinh tế sẽ tăng lên. Chi phí sử dụng vốn tăng sẽ làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp, từ đó có thể làm giảm động lực mở rộng sản xuất

kinh doanh của cả nền kinh tế và ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng GDP.

Hai là, Việt Nam là một nước nhập khẩu ròng đối với mặt hàng xăng dầu. Hàng năm, Việt Nam đã nhập khẩu ròng xăng dầu các loại khoảng 4,5-5 tỉ đô la Mỹ, kết quả này có nghĩa là giá dầu càng cao thì thâm hụt thương mại đối với mặt hàng này sẽ càng lớn. Dù sắp tới Việt Nam về cơ bản có khả năng đáp ứng về xăng dầu trong nước, tuy nhiên vẫn cần phải nhập dầu thô để chế biến. Điều này sẽ gây áp lực trực tiếp lên tỷ giá giữa tiền đồng và đô la Mỹ. Đây là một trong nhiều nguyên nhân khiến cho tỷ giá luôn chịu áp lực tăng kể từ khi giá dầu tăng đến nay. Như vậy, chính sách tiền tệ của Việt Nam đang phải chịu sức ép rất lớn từ những biến động bên ngoài. Đây cũng chính là hệ quả khi mà độ mở của nền kinh tế Việt Nam đang ở mức rất cao, hiện lên tới trên 200% GDP. Điều này đồng nghĩa với việc tăng trưởng kinh tế của Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa.

Chúng ta cần có giải pháp phòng ngừa để tránh những cú sốc về giá dầu tăng tác động tới nền kinh tế. Nhiều dự báo hiện nay cho rằng giá dầu sẽ khó có khả năng tăng cao hoặc tiếp tục leo thang như diễn biến của năm 2014. Tuy nhiên, tất cả mới chỉ là dự báo và trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị như hiện nay thì không thể khẳng định được rằng sẽ không có yếu tố bất ngờ diễn ra. Chúng ta cần có các kịch bản ứng phó và ngay từ bây giờ cần xây dựng các biện pháp dự phòng nhằm giảm thiểu tối đa sự tác động của nó đến chính sách tiền tệ của Việt Nam. Có giải pháp dự phòng nếu giá xăng dầu tiếp tục tăng thì tạm ngừng tăng hoặc giãn tiến độ tăng giá của một số mặt hàng do Nhà nước quản lý để dành dư địa cho khả năng giá xăng dầu tiếp tục tăng lên trong thời gian tới. Giải pháp này nhằm tránh cho CPI có thể tăng cao ngoài tầm kiểm soát của Chính phủ. Cần có giải pháp để đẩy nhanh quá trình đạt chuẩn quốc tế về dự trữ xăng dầu. Hiện nay, dự trữ của Việt Nam mới chỉ đáp ứng được 30 ngày nhập khẩu ròng, trong khi con số này theo chuẩn của Cơ quan Năng lượng quốc tế là 90 ngày.





# Vieät Nam àp dụng chuẩn möic ké toàùn thuê à tải sâu IFRS 16 tở 1/1/2019

- nghiên cứu tài  
cáo tài chính  
nghiệp

TS. Trần Tú Uyên<sub>1</sub> Lê  
Như Hiếu<sub>2</sub> Bùi Thị  
Tươi<sub>3</sub>

ñoàng tởi bào  
của các doanh

**T**huê tài sản là một trong những công cụ huy động vốn vô cùng quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất hay các doanh nghiệp có máy móc, thiết bị có giá trị lớn. Hiện nay, các doanh nghiệp đều đang áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế - IAS 17 để hạch toán tài sản thuê của doanh nghiệp. Tuy nhiên, qua thời gian đã phát hiện thấy có rất nhiều điểm trong IAS 17 không còn hợp lý nữa. Vì thế Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế IASB đã ban hành Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế thuê tài sản IFRS 16. Theo dự kiến IFRS sẽ được áp dụng tại Việt Nam từ ngày 1/1/2019. Bài viết trình bày về Chuẩn mực Kế toán thuê tài sản IFRS 16 và đưa ra các phương pháp kế toán thuê tài sản trên phương diện là người cho thuê và người đi thuê mà trọng tâm là người đi thuê. Từ đó sẽ rút ra nhận xét chung về những ảnh hưởng của việc áp dụng Chuẩn mực Kế toán thuê tài sản IFRS tới Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp. Ngoài ra bài báo còn đưa đến cho người đọc một số thông tin cơ bản về giao dịch bán đi thuê lại.

**Từ khóa:** Chuẩn mực kế toán quốc tế, IFRS 16, Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, Chuẩn mực kế toán thuê tài sản.

**Vietnam to apply IFRS 16 Leases from January 1, 2019 - a study of impacting factors to the financial statements of businesses**

Leasing is one of the mobilization tools that is extremely important for every business, especially the manufacturing enterprises or businesses with high value machinery and equipment. Currently, businesses are applying International Accounting Standards - IAS 17 to account their leased assets. However, over time, many points in IAS 17 are no longer reasonable. Therefore, the International Accounting Standards Board IASB has issued the IFRS International Financial Reporting Standards 16 Leases. It is expected that IFRS will be applied in Vietnam from January 1, 2019. The paper presents IFRS Standards 16 and provides asset leasing methods in terms of lessor and lessee with a focus on lessee. Consequently, the article draws a general comment on the effects of applying IFRS's New Lease Standards on business's financial statements. In addition, the article also gives readers some basic information about the sale of sublease.

**Key words:** International Accounting Standards, IFRS 16, International Financial Reporting Standards, Lease Standards.

## 1. Giới thiệu

Trong thời đại công nghệ 4.0, máy móc thiết bị ở các doanh nghiệp sản xuất là một đòi hỏi bức thiết trong bối cảnh hội nhập để nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như năng suất lao động, giảm chi phí, tăng sức cạnh tranh với các đối thủ trên thị trường.



Thực tế phần lớn các trang thiết bị, máy móc sản xuất của nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã quá lạc hậu so với các nước tiên tiến phát triển trên

thế giới. Vì thế việc đầu tư các máy móc trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu sản xuất là vô cùng cần thiết. Hiện nay, lượng vốn dài hạn đầu tư cho các dự án này ở các doanh nghiệp Việt Nam là hết sức

*1Giảng viên Khoa Kế toán - Kiểm toán trường ĐH Ngoại Thương; 2,3 Sinh viên Khoa Kế toán - Kiểm toán trường ĐH Ngoại Thương*



khiêm tốn. Kênh tài trợ quen thuộc vẫn là đi vay ở các ngân hàng thương mại. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp mới ra đời, việc tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng là khá khó khăn. Ngoài ra, một số doanh nghiệp lớn như VietnamAirline hay VietjetAir... những doanh nghiệp hoạt động trong những lĩnh vực sử dụng những phương tiện, máy móc, trang thiết bị có giá trị vô cùng lớn đi thuê tài sản sẽ là một giải pháp tối ưu.

Chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 17 – Các hướng dẫn thuê tài sản có hiệu lực ngày 1/1/1984 với mục đích hướng dẫn cách hạch toán các hoạt động liên quan đến thuê tài sản của doanh nghiệp đi thuê và doanh nghiệp cho thuê. Ngày 1 tháng 1 năm 2016, Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB) đã ban hành Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế số 16 – Chuẩn mực kế toán Thuê tài sản (IFRS 16) mới sẽ thay thế chuẩn mực kế toán IAS 17 hiện hành. IFRS 16 giúp loại bỏ sự phân loại thuê tài sản (thuê hoạt động hoặc thuê tài chính) đối với bên thuê. Theo đó, những yêu cầu của IFRS 16 mới loại bỏ

gần như tất cả việc “*kế toán ngoài bảng cân đối kế toán*”<sup>1</sup> của bên đi thuê và điều này sẽ là một trong những tiến bộ lớn nhất đối với các chuẩn mực kế toán trong thập kỷ qua.

## 2. Một số khái niệm liên quan đến hợp đồng cho thuê tài sản

Hợp đồng cho thuê tài sản là hợp đồng mà một bên sẽ chuyển giao quyền kiểm soát sử dụng tài sản cho bên còn lại trong một khoảng thời gian nhất định để đổi lấy một khoản tiền thuê phù hợp. Trong hợp đồng cho thuê tài sản có thể bao gồm một số phần khác mà không phải là thuê tài sản ví dụ như cung cấp dịch vụ kèm theo. Những phần này phải được tách rời với thuê tài sản và được kế toán riêng, phân bổ phần giá trị tiền thuê trên cơ sở giá độc lập của các phần thuê tài sản và cung cấp dịch vụ.

Quyền kiểm soát sử dụng tài sản của người đi thuê phụ thuộc vào:

(a) Người đi thuê có quyền giành được một cách đáng kể tất cả những lợi ích kinh tế thu được từ việc sử dụng tài sản.

<sup>1</sup>IAS 17 không yêu cầu doanh nghiệp khi đi thuê tài sản hoạt động dài hạn có giá trị lớn phải hạch toán tài sản đó trên Bảng cân đối kế toán.



(b) Người đi thuê có toàn quyền trực tiếp sử dụng tài sản. Điều này phát sinh nếu như có một trong hai trường hợp dưới đây:

(i) Người đi thuê có quyền sử dụng tài sản thuê với mục đích của họ trong toàn bộ khoảng thời gian sử dụng.

(ii) Tất cả những hướng dẫn về việc sử dụng tài sản thuê phải được xác định trước. Người đi thuê có thể sử dụng tài sản mà người cho thuê không có quyền thay đổi bất kỳ những hướng dẫn sử dụng nào trước đó.

Trong mỗi hợp đồng thuê tài sản phải lưu ý:

- **Quyền sử dụng tài sản (Right of use):** Là quyền mà người đi thuê có thể sử dụng tài sản đi thuê trong suốt thời gian thuê.

- **Tiền thuê (Lease payment):** Là khoản tiền người đi thuê phải thanh toán cho người cho thuê liên quan tới quyền sử dụng tài sản thuê trong suốt thời gian thuê bao gồm:

+ Khoản tiền cố định trừ đi phần ưu đãi cho thuê.

+ Các khoản tiền thuê thay đổi phụ thuộc vào tỷ giá.

+ Giá thực hiện quyền mua nếu người đi thuê chắc chắn sẽ thực hiện quyền mua này.

+ Khoản phạt chấm dứt hợp đồng thuê nếu áp dụng.

- **Lãi suất ngầm trong hợp đồng thuê tài sản (Interest rate implicit in the lease):** Là tỷ lệ lãi suất mà tại đó giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê và giá trị còn lại không được bảo đảm bằng với tổng giá trị hợp lý của tài sản thuê và bất kỳ chi phí trực tiếp ban đầu nào của bên cho thuê.

- **Thời hạn thuê (Lease term):**

+ Là thời gian không thể hủy bỏ trong đó bên thuê có quyền sử dụng tài sản thuê, cộng với:

• Thời gian theo lựa chọn mở rộng nếu việc lựa chọn quyền chọn đó của bên thuê là tương đối chắc chắn;

• Thời gian theo lựa chọn kết thúc nếu bên thuê không thực hiện quyền chọn đó một cách tương đối chắc chắn.

+ Nếu thời hạn thuê là dài hơn 12 tháng là thời hạn thuê dài và ngược lại nếu thời hạn cho thuê tài sản là ngắn hơn 12 tháng là thời hạn thuê ngắn.

- **Lãi suất biên đi vay (Lessee's incremental borrowing rate of interest):** Là lãi suất mà bên đi thuê sẽ phải trả cho một hợp đồng thuê tài chính tương tự hoặc là lãi suất tại thời điểm đầu thuê tài sản mà bên thuê sẽ phải trả để vay một khoản cần thiết cho việc mua sắm tài sản với một thời hạn và với một đảm bảo tương tự.

### 3. Phương pháp kế toán tài sản thuê

#### 3.1. Đối với người đi thuê

Theo Chuẩn mực Kế toán Quốc tế số 17 - Thuê tài sản, bên đi thuê phải phân biệt giữa thuê tài chính (trên bảng cân đối kế toán) và thuê hoạt động (ngoài bảng cân đối kế toán) nhưng theo IFRS 16 yêu cầu bên đi thuê phải ghi nhận hầu hết các hợp đồng thuê trên bảng cân đối kế toán không phân biệt giữa thuê tài chính và thuê hoạt động ngoại trừ những tài sản đi thuê có giá trị thấp hoặc có thời gian thuê ngắn hơn 12 tháng. Người đi thuê sẽ phải ghi nhận tài sản tức là quyền sử dụng tài sản đi thuê (ROU) và nợ phải trả (nợ thuê) phát sinh từ hợp đồng thuê tài sản. Đây là một điểm mới khác biệt so với chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 17.

*Ghi nhận ban đầu:*

• Tại thời điểm ban đầu thuê tài sản, phần nợ thuê sẽ được xác định bằng cách quy đổi tất cả các giá trị dự tính phải trả trong tương lai về hiện tại bằng lãi suất ngầm định. Nếu không thể xác định được lãi suất ngầm định thì người đi thuê có thể sử dụng lãi suất biên đi vay.

• Đối với quyền sử dụng tài sản (ROU): ROU sẽ được xác định bằng tổng giá trị hiện tại của nợ thuê và những chi phí trực tiếp ban đầu hình thành và đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi ưu đãi cho thuê.

**Ghi nhận ban đầu đối với người đi thuê:**

		Debit	Credit
<b>ROU</b>			
<i>Initial payment</i>	X		
<i>Initial direct cost</i>	X		
<i>Incentives received</i>	X		
<i>Payment for lease liability</i>	X		
		<u>X</u>	
<b>Lease liability</b>			X
<b>Cash</b>			X
		<u>X</u>	<u>X</u>

*Ghi nhận sau thời điểm ban đầu:*

- Đối với quyền sử dụng tài sản (ROU): Sau thời điểm ban đầu ghi nhận, ROU sẽ được xác định theo chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 16, ngoại trừ tài sản đi thuê là bất động sản đầu tư hoặc thuộc về một trong những loại tài sản phải áp dụng mô hình đánh giá lại tài sản. Khi áp dụng IAS 16 doanh nghiệp cần chú ý đến thời gian sử dụng hữu ích khi tính khấu hao:

- o Nếu quyền sở hữu tài sản thuê được chuyển cho người đi thuê khi kết thúc thời gian thuê tài sản hoặc nếu người đi thuê dự định thực hiện quyền mua tại thời điểm kết thúc kỳ thuê tài sản thì ROU sẽ phải được khấu hao trên số năm sử dụng hữu ích của tài sản.

- o Ngược lại, nếu không có chuyển quyền sở hữu tài sản hoặc không có quyền mua trong hợp đồng thuê thì thời gian dùng để tính khấu hao sẽ lấy thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

- Đối với nợ thuê (Lease liability): Sau thời điểm ban đầu ghi nhận, số nợ thuê hàng kì sẽ được cộng thêm tiền lãi phần tiền nợ chưa trả và trừ đi phần tiền đã thanh toán.

*Ghi nhận cuối kì:*

- Trên bảng cân đối kế toán cuối kì, ROU và nợ thuê sẽ được trình bày một dòng riêng bên dưới tài sản dài hạn và nợ tài chính hoặc có thể trình bày gộp nhưng phải thuyết minh rõ ràng.

- IFRS 16 không nêu rõ nợ thuê phải được chia thành nợ ngắn hạn và nợ dài hạn, tuy nhiên doanh

nh nghiệp nên chia ra thành nợ ngắn hạn và nợ dài hạn để có cái nhìn chính xác hơn.

Sau đây là ví dụ cụ thể để hiểu rõ được kế toán tài sản đi thuê:

Doanh nghiệp A thuê tài sản của doanh nghiệp B trong vòng 5 năm. Mỗi năm doanh nghiệp A phải trả đều cho B một khoản tiền cố định \$50,000 vào cuối mỗi năm. Chi phí trực tiếp để hoàn thiện tài sản trước khi tài sản sẵn sàng đưa vào sử dụng là \$20,000. Doanh nghiệp A được hưởng ưu đãi cho thuê ban đầu là \$5,000. Lãi suất ngầm mà doanh nghiệp A sử dụng để hạch toán là 5%.

**Bảng 2: Giá trị hiện tại của \$50,000 qua 5 năm**

Đơn vị: \$

Year	Payment	Discount factor	PV
0	50,000	0.95	47,619.0
1	50,000	0.91	45,351.5
2	50,000	0.86	43,191.9
3	50,000	0.82	41,135.1
4	50,000	0.78	39,176.3
<b>Total</b>			<b>216,473.8</b>

*Nguồn: Các tác giả tổng hợp*

- Giá trị hiện tại của khoản tiền thuê tài sản: 216,473.8

- Chi phí ban đầu được ghi nhận vào quyền sử dụng tài sản – ROU: 20,000

- Ưu đãi cho thuê: (5,000)

- ROU = 216,473.8 + 20,000 – 5,000 = 231,473.8



Doanh nghiệp hạch toán:

	Debit	Credit
<b>ROU</b>	231,473.8	
<i>Initial direct cost (cash)</i>		20,000
<i>Incentives received (cash/AP)</i>	5,000	
<i>Payment for lease liability</i>		216,473.8

Hàng năm doanh nghiệp cần tính chi phí tài chính và phân biệt nợ ngắn hạn và nợ dài hạn:

**Bảng 3: Xác định giá trị của nợ thuê qua 5 năm**

Year	Opening balance	Interest expense <sup>2</sup>	Lease pmt	Closing balance
1	216,473.8	10,823.7	-50,000	177,297.5
2	177,297.5	8,864.9	-50,000	136,162.4
3	136,162.4	6,808.1	-50,000	92,970.5
4	92,970.5	4,648.5	-50,000	47,619.0
5	47,619.0	2,381.0	-50,000	-

Nguồn: Các tác giả tổng hợp

Cuối năm 1:

- Trả tiền thuê: Dr lease liability / Cr cash: \$50,000

- Ghi nhận chi phí tài chính: Dr interest expense / Cr lease liability: \$ 10,823.7

- Khấu hao ROU: Dr depreciation expense / Cr ROU:  $231,473.8/5 = \$ 46,294.8$

- Khi đưa lên bảng cân đối kế toán nợ dài hạn là \$136,162.4 (là số dư cuối kì vào năm sau của nợ thuê), nợ ngắn hạn là  $177,297.5 - 136,162.4 = 41,135.1$

■ Những yêu cầu khi công bố báo cáo tài chính đối với người đi thuê

- Chi phí khấu hao của ROU

- Chi phí tài chính của nợ thuê
- Chi phí thuê liên quan đến tài sản đi thuê ngắn hạn hoặc tài sản đi thuê có giá trị thấp
- Chi tiết các giao dịch bán đi thuê lại
- Giá trị còn lại của ROU tại thời điểm cuối kì kế toán

### 3.2. Đối với người cho thuê

Chuẩn mực kế toán thuê tài sản mới IFRS 16 không thay đổi nhiều về những yêu cầu kế toán của người cho thuê so với chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 17. Theo đó, người cho thuê vẫn tiếp tục phân loại tài sản cho thuê thành 2 loại là tài sản cho thuê hoạt động và tài sản cho thuê tài chính và kế toán 2 loại tài sản này khác nhau.

**Bảng 4: Kế toán tài sản cho thuê của người cho thuê tài sản**

(i) Tài sản cho thuê tài chính			
Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
Tài sản dài hạn	Loại bỏ tài sản thuê ra khỏi BCĐKT	Doanh thu từ cho thuê tài sản	- Doanh thu cho thuê tài sản - Doanh thu hoạt động tài chính
Phải thu	Ghi nhận khoản phải thu	Khấu hao	Không ghi nhận

<sup>2</sup>Interest expense = Opening balance \* 5%



**(ii) Tài sản cho thuê hoạt động**

Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
Tài sản dài hạn	Không loại tài sản thuê ra khỏi BCĐKT	Doanh thu từ cho thuê tài sản	Ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hàng kì
Phải thu	Ghi nhận khoản phải thu từ khách hàng thuê tài sản	Khấu hao	Ghi nhận chi phí khấu hao hàng kì

Nguồn: Các tác giả tổng hợp

**4. Giao dịch bán đi và thuê lại**

Hoạt động bán đi và thuê lại (Sale and Leaseback) hình thành khi bên sở hữu tài sản (Seller) bán lại tài sản cho một đối tác khác (Buyer) và chủ động thuê lại tài sản đó. Lúc này, bên bán tài sản sẽ đóng vai trò bên thuê lại tài sản (Lessee) và bên mua tài sản sẽ trở thành bên cho thuê tài sản (Lessor). Hình thức thuê lại có thể là “thuê tài chính” hay là “thuê hoạt động” tùy vào thỏa thuận của hai bên.

Nếu xác định nghĩa vụ bán hàng thỏa mãn theo IFRS 15, tức là việc chuyển tài sản được xem như bán hàng hóa thỏa mãn yêu cầu của IFRS:

- Người bán/người đi thuê xác định ROU phát sinh từ việc thuê lại tương ứng với phần giá trị còn lại của tài sản trước đó. Chỉ ghi nhận ROU giữ lại của tài sản.
- Người bán/người đi thuê chỉ được phép ghi nhận một khoản lãi hoặc lỗ liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản cho người mua.
- Người mua/người cho thuê sẽ hạch toán mua tài sản và hạch toán tài sản cho thuê tuân thủ theo yêu cầu của IFRS 16.

Nếu giá bán tài sản và giá trị hợp lý của tài sản không bằng nhau, hoặc nếu khoản thanh toán tiền thuê không ở mức giá thị trường, thì doanh nghiệp sẽ phải thực hiện một số điều chỉnh để xác định giá bán tài sản:

- Nếu là thấp hơn giá trị hợp lý trên thị trường thì giá trị thấp hơn đó sẽ được hạch toán là khoản trả trước tiền thuê.
- Ngược lại, thì giá trị cao hơn giá trị hợp lý trên

thị trường thì sẽ được hạch toán như là một khoản trợ giá được người mua/người cho thuê trả cho người bán/người đi thuê.

Ngược lại, nếu việc chuyển giao bán tài sản không thỏa mãn yêu cầu của IFRS 15 thì người bán sẽ vẫn tiếp tục ghi nhận tài sản bán và khoản tiền bán tài sản được hạch toán như là một khoản nợ tài chính và được hạch toán tuân theo IFRS 9 – Công cụ tài chính. Giao dịch này về bản chất được xem như là một khoản vay có bảo đảm.

Sau đây là một ví dụ để hiểu rõ hơn về giao dịch bán đi thuê lại.

Công ty X bán một toà nhà cho công ty Y với số tiền là 5 triệu đô la. Giá trị hợp lý của tòa nhà này là 4,5 triệu đô. Trước khi bán tài sản, giá trị còn lại trên Báo cáo tài chính của công ty X là 3,5 triệu đô. Tại cùng thời điểm bán tài sản, công ty X ký kết một hợp đồng thuê quyền sử dụng tòa nhà trong vòng 20 năm, với số tiền trả hàng năm là \$200,000 được trả vào cuối mỗi năm. Tất cả những điều khoản và điều kiện của hợp đồng đều xác định nghĩa vụ thực hiện hợp đồng thỏa mãn IFRS 15 – Doanh thu từ các hợp đồng với khách hàng. Lãi suất ngầm định được công ty sử dụng là 5% một năm.

**Tóm tắt:**

Sale proceed	5,000
Carrying amount (CA)	3,500
Fair value (FV)	4,500
Minimum lease payment (MLP)	200
Number of year	20
Rate	5%
Present value of MLP	2,492



Bước 1: Tính lãi/lỗ khi bán tài sản	$Gain = FV - CA = 4,500 - 3,500 = 1,000$
Bước 2: Tính giá trị hiện tại của MLP	$PV = LP / (1+r)^n = 2,492$
Bước 3: Phân chia giá trị PV của MLP	Additional financing (trợ giá) = $5,000 - 4,500 = 500$ PV relate to the lease = $2,492 - 500 = 1,992$
Bước 4: Tính %	$\% = PV \text{ relate to the lease} / FV = 0.44$
Bước 5: Tính quyền sử dụng tài sản ROU	$ROU = CA * \% = 3,500 * 0.44 = 1,550$
Bước 6: Tính phần lãi được ghi nhận	
1. Lãi do quyền sử dụng được giữ lại	Lãi do quyền sử dụng được giữ lại
2. Lãi từ hoạt động bán tài sản	Lãi từ hoạt động bán tài sản

**Hạch toán:**




	Dr	Cr
Cash	5,000	
ROU	1,550	
CA Asset		3,500
Liability		1,992
Additional financing		500
Gain		558
	6,650	6,650

**5. Những ảnh hưởng khi áp dụng chuẩn mực doanh nghiệp đi thuê**

**kế toán thuê tài sản IFRS 16 tới Báo cáo tài chính**

**5.1. Ảnh hưởng tới Bảng cân đối kế toán**

**Hình 1: Sự thay đổi của Bảng cân đối kế toán khi áp dụng IFRS 16**

	IAS 17		IFRS 16
	Finance leases	Operating leases	All leases
<b>Assets</b>		_____	
<b>Liabilities</b>	\$\$\$\$	_____	\$\$\$\$
<b>Off balance sheet rights / obligations</b>	_____	 \$\$\$\$	_____

Nguồn: Các tác giả tổng hợp

Doanh nghiệp khi áp dụng chuẩn mực kế toán Thuê tài sản IFRS sẽ phải chịu một số ảnh hưởng lên Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp:

- Tài sản thuê tăng
- Nợ tài chính tăng
- Vốn chủ sở hữu giảm

IFRS 16 yêu cầu doanh nghiệp phải ghi nhận tài sản thuê và nợ thuê lên bảng cân đối kế toán cho

tất cả các tài sản đi thuê trừ tài sản thuê có thời gian dưới 12 tháng và tài sản thuê có giá trị thấp. Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB) hy vọng ảnh hưởng đáng kể nhất của IFRS 16 đó chính là việc làm tăng tài sản thuê và tăng nợ thuê của những công ty đang hạch toán tài sản thuê ngoài bảng cân đối kế toán. Bên cạnh đó, một cách ghi nhận tài sản thuê mới đó là ghi nhận ROU – Quyền sử dụng tài sản xem tài sản thuê là tài sản phi tài chính dài hạn. Doanh nghiệp cũng hạch toán nợ

thuê thành hai phần là nợ ngắn hạn và nợ dài hạn tùy thuộc vào thời gian của khoản nợ thuê phải trả. Điều này cũng sẽ làm ảnh hưởng tới chi phí lãi vay, các chỉ số tài chính của doanh nghiệp...

Khi các doanh nghiệp kế toán tài sản ngoài bảng cân đối kế toán theo IAS 17, vốn chủ sở hữu thường sẽ bị giảm đi vì khoản trả tiền thuê phải trả hàng kì. Với việc áp dụng IFRS 16 cho từng tài sản thuê khác nhau, giá trị còn lại của tài sản thuê thường sẽ giảm nhanh hơn giá trị còn lại của nợ phải trả. Bởi vì trong mỗi kì thuê tài sản, tài sản thuê thường

sẽ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và nợ thuê sẽ bị giảm giá trị do thanh toán khoản tiền thuê thay vào đó nợ thuê sẽ được tăng lên một khoản do chi phí lãi vay giảm dần được cộng vào trong suốt thời kì thuê. Kết quả là mặc dù tài sản thuê và nợ thuê là bằng nhau tại thời điểm đầu kì thuê tài sản và thời điểm kết thúc kì thuê tài sản nhưng nợ thuê trong suốt kì thuê tài sản thường sẽ cao hơn tài sản thuê.

**5.2. Ảnh hưởng tới Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**Hình 2: Sự thay đổi của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi áp dụng IFRS 16**

	IAS 17		IFRS16
	Finance leases	Operating leases	All leases
Revenue	\$\$\$\$	\$\$\$\$	\$\$\$\$
Operating costs (excluding depreciation and amortisation)	_____	Single lease expense	_____
EBITDA			▲▲
Depreciation and amortisation	Depreciation	_____	Depreciation
Operating profit			▲
Finance costs	Interest		Interest
Profit before tax			↔↔

*Nguồn: Các tác giả tổng hợp*

Mặc dù IFRS 16 sẽ có một ảnh hưởng khá lớn tới Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp, tuy nhiên sẽ không ảnh hưởng quá nhiều tới Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Những ảnh hưởng khi doanh nghiệp áp dụng IFRS 16 tới Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- Ghi nhận chi phí liên quan đến tài sản đi thuê;
- Cơ cấu chi phí liên quan đến tài sản đi thuê;
- Một số ảnh hưởng khác.

So với các doanh nghiệp áp dụng IAS 17 thì IFRS 16 được mong đợi làm cho lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao (EBITDA) và lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp cao hơn. Bởi vì, khi áp dụng IAS 17 các doanh nghiệp sẽ ghi nhận toàn bộ chi phí thuê vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng khi áp dụng IFRS 16 doanh nghiệp sẽ phải trình bày một phần chi phí là chi phí lãi vay.

Giá trị cao hơn của lợi nhuận kinh doanh, chi phí lãi vay phụ thuộc nhiều vào việc thuê tài sản của doanh nghiệp: Số lượng tài sản thuê, độ dài thời gian và tỷ lệ lãi suất ngầm...

Khi áp dụng IFRS 16, tổng chi phí lãi vay và chi phí khấu hao trong suốt nửa đầu của thời kì thuê thường sẽ cao hơn chi phí thuê sử dụng theo phương pháp đường thẳng khi áp dụng IAS 17. Và ngược lại, trong nửa thời gian còn lại của thời gian thuê thì tổng chi phí lãi vay và chi phí khấu hao khi áp dụng IFRS 16 sẽ thấp hơn tổng chi phí thuê khi áp dụng IAS 17. Điều này được lí giải là do khấu hao của tài sản thuê thường được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong khi chi phí lãi vay thường giảm theo kì trong suốt khoảng thời gian thuê tài sản (vì nợ thuê giảm dần).

Khác với IAS 17, IFRS 16 yêu cầu doanh nghiệp ghi nhận chi phí lãi vay trên khoản nợ thuê riêng



biệt đối với chi phí khấu hao của tài sản thuê. Doanh nghiệp trình bày chi phí lãi vay là một phần của chi phí tài chính và chi phí khấu hao được trình bày cùng với chi phí khấu hao của những tài sản tương tự tài sản đi thuê. Khi áp dụng IAS 17, chi phí đi thuê tài sản hàng kỳ chỉ được trình bày là chi phí dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Điều này dẫn đến EBITDA<sub>3</sub> khi áp dụng IFRS 16 sẽ cao hơn đáng kể so với EBITDA khi áp dụng IAS 17.

Tương tự như EBITDA, EBIT<sub>4</sub> cũng sẽ cao hơn khi doanh nghiệp áp dụng IFRS 17. Bởi vì khi áp dụng IFRS 16 thì EBIT sẽ một phần chi phí lãi vay sẽ không bị trừ nhưng khi áp dụng IAS 17 thì EBIT đã được trừ đi tổng chi phí thuê tài sản của kỳ kế toán đó (chi phí thuê tài sản là chi phí phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh).

**5.3. Ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Sự thay đổi những yêu cầu kế toán khi áp dụng IFRS 16 sẽ không làm ảnh hưởng tới sự thay đổi giá trị dòng tiền lưu chuyển trong kỳ giữa bên cho thuê và bên đi thuê. Tuy nhiên, IFRS 16 sẽ làm ảnh hưởng tới việc trình bày Báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan đến tài sản đi thuê.

Để Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ thống nhất với nhau về việc kế toán tài sản thuê thì IFRS 16 yêu cầu một doanh nghiệp phải phân loại số tiền thanh toán cho:

- Khoản tiền thanh toán nợ thuê ban đầu sẽ thuộc dòng tiền lưu chuyển từ hoạt động tài chính.

- Khoản chi phí lãi vay sẽ phải được trình bày phù hợp với yêu cầu liên quan tới “Tiền lãi vay đã trả trong kỳ” tuân theo chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 7 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Một số sự thay đổi trong dòng tiền khi áp dụng IFRS 16 thay cho IAS 17:

- Tăng dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Giảm dòng tiền từ hoạt động tài chính.

Tuy nhiên, điều này sẽ không làm ảnh hưởng tới tổng giá trị tiền tệ lưu chuyển trong kỳ. Điều này là do khi áp dụng IAS 17, tổng số tiền thanh toán cho thuê trong kỳ sẽ làm giảm dòng tiền lưu chuyển từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngược lại khi áp dụng IFRS 16, phần nợ gốc được trả sẽ xuất hiện ở dòng tiền lưu chuyển từ hoạt động tài chính và lãi vay trả trong kỳ sẽ nằm trong dòng tiền lưu chuyển từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

**5.4. Ảnh hưởng tới một số chỉ số tài chính**

Khi áp dụng IFRS 16 thay cho IAS 17 một số chỉ tiêu tài chính sẽ có sự thay đổi. Bảng dưới đây chỉ ra sự thay đổi của một số chỉ số tài chính quan trọng mà các nhà đầu tư, các nhà phân tích hay sử dụng để đánh giá tình hình tài chính của một doanh nghiệp:

**Bảng 6: Sự thay đổi của một số chỉ số tài chính khi áp dụng IFRS 16**

Nhóm chỉ số	Chỉ số tài chính	Cách tính chỉ số tài chính	Sự thay đổi khi áp dụng IFRS 16	Giải thích sự thay đổi
	Biên EBIT	Lợi nhuận trước thuế và lãi vay/ Doanh thu thuần	Tăng	EBIT là lợi nhuận khi chưa trừ lãi vay. Khi áp dụng IFRS 16, thuê tài sản thì phát sinh lãi vay hàng kỳ
	Biên EBITDA (Earnings before interest, taxes, depreciation, and amortization)	Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao/ Doanh thu thuần	Tăng	Vì khi áp dụng IFRS 16 thì EBITDA chưa trừ khấu hao và lãi vay. Nếu áp dụng IAS 17 thì EBITDA đã trừ chi phí thuê tài sản

*EBITDA: Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao. Chỉ số lợi nhuận này thường được sử dụng bởi các nhà đầu tư và nhà phân tích để đánh giá đòn bẩy tài chính*

*EBIT: Lợi nhuận trước thuế và lãi vay*

<b>Nhóm chỉ số khả năng sinh lời (Profitability ratio)</b>	Biên EBITDAR (Earnings before interest, taxes, depreciation/ amortization and rent)	Lợi nhuận trước thuế, lãi vay khấu hao và tiền thuê/ Doanh thu thuần	Không thay đổi	Vì cho dù áp dụng IFRS 16 hay IAS 17 thì đều đã trừ đi tất cả mọi chi phí liên quan đến việc thuê tài sản
	Biên EBT (Earnings before taxes)	Thu nhập trước thuế/ Doanh thu	Chưa thể kết luận	Phụ thuộc vào các loại tài sản thuê khác nhau của doanh nghiệp và thuế suất
	Tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần thường (ROCE)	EBIT/(Vốn chủ sở hữu + Nợ tài chính)	Chưa thể kết luận	Phụ thuộc vào danh mục tài sản thuê
	Tỷ suất sinh lợi trên tổng vốn cổ phần (ROE)	Thu nhập ròng/ Tổng vốn cổ phần bình quân	Chưa thể kết luận	Phụ thuộc vào của thu nhập ròng. Thu nhập ròng phụ thuộc vào danh mục tài sản thuê.
<b>Nhóm chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động (Efficiency ratio)</b>	Chỉ số vòng quay tổng tài sản (Asset turnover)	Doanh thu/Tổng tài sản bình quân	Giảm	Bởi vì tài sản thuê sẽ được ghi nhận là một phần của tài sản
	Chỉ số thanh toán hiện hành (Current ratio)	Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn	Giảm	Bởi vì nợ ngắn hạn sẽ tăng do nợ thuê ngắn hạn tăng trong khi tài sản ngắn hạn thì không đổi
<b>Nhóm chỉ số đánh giá tính thanh khoản (Liquidity ratio)</b>	Chỉ số đòn bẩy tài chính Leverage (Gearing)	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Tăng	Bởi vì nợ phải trả tăng do phát sinh nợ thuê trong khi vốn chủ sở hữu giảm
	Chỉ số khả năng thanh toán lãi vay (Interest coverage)	EBITDA/Chi phí lãi vay	Chưa thể kết luận	EBITDA sẽ tăng khi áp dụng IFRS 16 cùng với đó chi phí lãi vay cũng tăng. Vì thế còn phụ thuộc nhiều vào danh mục tài sản đi thuê
<b>Nhóm chỉ số đánh giá hiệu quả đầu tư</b>	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS – Earning per share)	(Thu nhập ròng - cổ tức cổ phiếu ưu đãi) / lượng cổ phiếu bình quân đang lưu hành	Chưa thể kết luận	Phụ thuộc vào thu nhập ròng. Thu nhập ròng phụ thuộc vào danh mục tài sản thuê. EPS còn phụ thuộc vào thuế suất
	P/E	Giá cổ phiếu trên thị trường/EPS	Chưa thể kết luận	Phụ thuộc vào EPS

Nguồn: Các tác giả tổng hợp

## 6. Những lợi ích mang lại và khó khăn khi áp dụng IFRS 16

### 6.1. Những lợi ích mang lại khi áp dụng IFRS 16

Khi áp dụng IFRS 16 doanh nghiệp sẽ phải ghi nhận tài sản và nợ tài chính của tài sản thuê điều này sẽ giúp doanh nghiệp trình bày trung thực hơn





về tình hình tài chính của họ cũng như tạo nên một bức tranh toàn cảnh và chi tiết hơn về đòn bẩy tài chính cũng như tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp đó. Điều này sẽ làm cho các nhà đầu tư, nhà phân tích đánh giá một cách tốt hơn về tình hình tài chính cũng như những hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Các nhà đầu tư luôn có sẵn

nguồn thông tin chi tiết để giúp họ có thể linh động hơn khi đưa ra các quyết định đầu tư.

IAS 17 chỉ yêu cầu doanh nghiệp phải cung cấp một số thông tin về tài sản thuê nằm ngoài Bảng cân đối kế toán trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Điều này là chưa thích hợp và không rõ ràng đối với các nhà đầu tư và nhà phân tích. Hầu hết họ sẽ ước tính tài sản và nợ phải trả của những tài sản thuê nằm ngoài bảng cân đối kế toán. Một số người thì ước tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán thuê bằng cách nhân số kì thuê với số tiền thuê từng kì rồi chiết khấu giá trị đó về hiện tại. Mục đích của những ước tính, điều chỉnh này là sẽ giúp họ đánh giá một cách chính xác và rõ ràng hơn về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong đó có một số nhà đầu tư, nhà phân tích chỉ dựa trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp để đánh giá tình kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của công ty mà không chú trọng xem xét Thuyết minh báo cáo tài chính. IFRS 16 được áp dụng sẽ giúp cho các nhà đầu tư, các nhà phân tích không phải điều chỉnh Bảng cân đối kế toán dựa trên Thuyết minh báo cáo tài chính nữa mà họ vẫn sẽ có một cơ sở tin cậy và rõ ràng hơn cho việc ra quyết định.

### **6.2. Những khó khăn khi áp dụng IFRS 16**

Khi một doanh nghiệp chuyển đổi việc áp dụng IAS 17 sang áp dụng IFRS 16 sẽ có rất nhiều khó



khăn. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải chuyển tất cả những tài sản đi thuê hoạt động đang được kế toán ngoài bảng cân đối kế toán cho phù hợp với yêu cầu của IFRS 16.

Mỗi một chuẩn mực mới khi đưa ra đều đòi hỏi sự nghiên cứu thật kỹ trước khi đưa vào áp dụng. Tuy nhiên, một số kế toán trưởng hoặc nhà quản lý doanh nghiệp chưa thực sự tìm hiểu sâu về chuẩn mực dẫn tới việc áp dụng sai và làm Báo cáo tài chính không còn chính xác và đáng tin cậy nữa.

Sự tăng vọt của tổng tài sản của một số doanh nghiệp đang áp dụng IAS 17 sau khi chuyển sang áp dụng IFRS 16 làm cho một số nhà đầu tư hoang mang và không tin tưởng vào Báo cáo tài chính nữa. Nếu doanh nghiệp không thuyết minh rõ ràng thì cũng sẽ là một khó khăn lớn đối với người sử dụng báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

### **6.3. Tác động của IFRS 16 đến một số ngành sản xuất và kinh doanh**

Sự thay đổi trong yêu cầu kế toán của IFRS 16 tạo nên những sự ảnh hưởng lớn đến một số ngành sản xuất và kinh doanh.

- Ngành sản xuất và bán lẻ hàng tiêu dùng: Ngành này được xem là sẽ chịu ảnh hưởng đáng kể khi áp dụng IFRS 16. Ngành sản xuất hàng tiêu dùng là một ngành cần đến rất nhiều máy móc, thiết bị sản xuất. Với sự thay đổi chóng mặt của công nghệ càng yêu cầu các doanh nghiệp luôn phải chuyển mình thay đổi để phù hợp với yêu cầu của thị trường. Hơn nữa, trong việc kinh doanh đòi

NGHIÊN CỨU TRAO NỔI

hỏi một số lượng lớn phương tiện vận tải, thiết bị phân phối... Do đó, những doanh nghiệp luôn phải sử dụng phương thức đi thuê để đáp ứng những yêu cầu đó vì thực tế đa số các doanh nghiệp đều không thể bỏ ra 100% vốn để đầu tư máy móc trang thiết bị. Sự thay đổi trong những yêu cầu kế toán IFRS 16 được cho rằng sẽ có những sự ảnh hưởng lớn đến Báo cáo tài chính của những doanh nghiệp này.

- Ngành kinh doanh dịch vụ hàng không: Không phải doanh nghiệp nào cũng có thể đầu tư một số vốn vô cùng lớn để mua sắm máy bay mới hay các trang thiết bị của máy bay. Vì vậy, hầu hết các doanh nghiệp trong ngành này đều sử dụng hình thức đi thuê tài chính hoặc sử dụng các giao dịch bán đi thuê lại để có thể tiết kiệm được chi phí vốn... Sự thay đổi khi áp dụng IFRS 16 yêu cầu những điều chỉnh lớn trong việc hạch toán các giao dịch sẽ tạo ra những biến động lớn trên Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

- Ngành khai thác và chế biến dầu mỏ, kim loại: Các doanh nghiệp hoạt động trong ngành này cũng yêu cầu một lượng lớn máy móc, thiết bị có giá trị lớn. Khi mà hầu hết trang thiết bị đều phải mua từ nước ngoài. Do đó, việc đi thuê tài sản là một phương thức mà các doanh nghiệp này hay sử dụng. Sự thay đổi khi áp dụng IFRS 16 cũng có những thay đổi lớn trong Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

**7. Kết luận**

Thuê tài sản là một trong những công cụ tài chính quan trọng và khá phổ biến trên thị trường hiện nay đặc biệt có ý nghĩa với những doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng tài sản có giá trị lớn (Việt Nam Airline, Vietjet Airline...). Sự ra đời của chuẩn mực mới về thuê tài sản IFRS 16 sẽ tác động rất nhiều đến thị trường thuê, bên thuê cũng như bên cho thuê. Nó có thể là nhân tố làm thay đổi hành vi của khách hàng, làm dịch chuyển mô hình kinh doanh sản phẩm hiện tại của doanh nghiệp.

IFRS 16 đã hoàn thiện rất nhiều so với Chuẩn mực Kế toán Quốc tế thuê tài sản cũ IAS 17. IFRS 16 được kì vọng sẽ làm cho Báo cáo tài chính doanh nghiệp trở nên đáng tin cậy hơn. Điều này sẽ giúp

các nhà đầu tư, các cổ đông, các nhà phân tích hay các cơ quan thẩm quyền có những cơ sở rõ ràng và chắc chắn khi đánh giá tình hình tài chính hay kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đưa ra đưa ra quyết định.

Các tác giả hy vọng qua bài viết sẽ đem lại một cái nhìn tổng quát cho độc giả về Chuẩn mực Kế toán thuê tài sản IFRS 16, từ đó làm tiền đề cho những đề tài nghiên cứu tiếp theo liên quan đến thuê tài sản.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Anon., 2001. IFRS. [Online]; Available at: <https://www.ifrs.org/>;
2. Anon., 2017. Trang tin điện tử Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam. [Trực tuyến]; Available at: <http://www.vacpa.org.vn>;
3. BPP, 2018. ACCA Paper F7 Financial Reporting. London: BPP;
4. Deloitte, 2016. A guide to IFRS 16, London: Deloitte;
5. EY, 2016. A summary of IFRS 16, không biêt chu biên: EY;
6. IFRS Foundation, 2016. Effects Analysis International Financial Reporting Standard IFRS 16, London: IFRS Foundation;
7. IFRS Foundation, 2016. Project Summary and Feedback Statement, London: IFRS Foundation;
8. Kathryn Donkersley, Patrina Buchanan, 2016. Transition to IFRS 16, London: IFRS Foundation;
9. Kathryn Donkersley, R. R. i. B., 2016. IFRS 16 Leases, London: IFRS Foundation;
10. PWC Việt Nam, 2018. Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế số 16- một kỷ nguyên mới về kế toán cho thuê, Việt Nam: PWC;
11. Vietstock, 2017. VIETSTOCK. [Trực tuyến] Available at: <https://vietstock.vn>.

